

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 15-10-2020

V/v: Tranh chấp lao động về tiền
lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm
xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tư
2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp tiền lương, trợ cấp thôi việc, Bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020 và giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Số 145/5 đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
2. *Bị đơn:* Công ty LD.
Địa chỉ: Số 456B đường T, phường II, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quý D, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Số 456B đường T, phường II, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
(Bà H, ông D đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 15/4/1993 bà ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty LD (gọi tắt là Công ty LD), công việc làm nhân viên văn thư, đánh máy, hệ số lương khởi điểm 1,94. Đến năm 2018 do công ty không tìm được

việc làm cho người lao động nên công ty đã thông báo tạm ngừng thực hiện hợp đồng lao động với bà từ ngày 01/10/2018 theo thông báo số 10/TB-CTCPXD&QLĐB II-HĐQT. Mức lương của bà tại thời điểm ngừng việc là 5.859.000đ. Ngày 01/11/2018 Công ty LĐ đã chính thức tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo giấy xác nhận số 16877/18 ngày 24/10/2018 của Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Lâm Đồng. Mặc dù Công ty LĐ cho bà ngừng việc từ tháng 10/2018 nhưng vẫn không thanh toán tiền lương ngừng việc cho bà từ tháng 11/2018 trở đi theo quy định.

Ngày 31/10/2018 Công ty LĐ có mời toàn thể người lao động đến để họp phổ biến 03 văn bản, cụ thể: văn bản số 6703/UBND-TH2 ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khó khăn trong việc thực hiện thoái vốn tại công ty Đường bộ II; văn bản số 1155/SLĐTBXH-LĐTL ngày 22/10/2018 về việc hướng dẫn các chế độ với người lao động; văn bản số 16877/18 của Sở Kế hoạch Đầu tư ngày 24/10/2018 về việc xác nhận Doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ 01/11/2018 đến ngày 17/10/2019. Đồng thời công ty thông tin về tình hình việc làm và các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động tại công ty trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, trong đó có nội dung lấy ý kiến người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 31/10/2018 và trả trợ cấp mất việc làm nên bà mới đồng ý ký biên bản. Sau đó bà có làm đơn kiến nghị gửi đến công ty đề nghị giải quyết chế độ cho bà trong thời gian công ty tạm ngừng hoạt động nhưng không được giải quyết.

Đến ngày 19/3/2019 công ty mời toàn thể người lao động đến thỏa thuận về thời gian chấm dứt hợp đồng lao động và thông tin về tình hình việc làm, các vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động tại công ty Đường bộ II trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, công ty lấy thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 31/12/2018, đồng thời trả luôn lương tháng 11+12 năm 2018 cho người lao động. Bà không đồng ý với thời gian chấm dứt hợp đồng lao động của công ty đưa ra vì công ty chưa thanh toán các chế độ bảo hiểm và không trả tiền lương tháng 01+ 02 năm 2019 cho bà. Công ty LĐ tự đưa ra thời gian chấm dứt hợp đồng lao động ngày 31/12/2018 là không đúng vì công ty không có bất kỳ thông báo bằng văn bản nào cho bà biết. Do không thỏa thuận được với phía công ty về thời gian chấm dứt hợp đồng lao động nên ngày 12/6/2019 bà đã làm đơn gửi UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh Lâm Đồng, Liên đoàn lao động tỉnh Lâm Đồng để được giải quyết. Ngày 09/8/2019 Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh Lâm Đồng ban hành văn bản số 762/SLĐTBXH-LĐTL về việc hướng dẫn chế độ đối với bà. Đến ngày 21/8/2019 công ty tiếp tục mời bà lên để thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, tuy nhiên công ty vẫn giữ nguyên mốc thời gian chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 31/12/2018 nên hai bên không thỏa thuận được. Công ty LĐ đã trả lương ngừng việc cho bà và đóng các chế độ bảo hiểm xã hội cho bà đến hết tháng 12/2018. Hiện nay cơ quan

bảo hiểm xã hội thành phố B đã chốt sổ bảo hiểm đến hết tháng 12/2018 và trả sổ cho bà.

Nay bà yêu cầu Công ty LD phải thanh toán cho bà tiền lương ngừng việc từ tháng 01/2019 cho đến tháng 10/2020 là: 22 tháng x 5.859.000đ/tháng = 128.898.000 đồng; yêu cầu bị đơn phải thực hiện đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà từ tháng 01/2019 đến tháng 10/2020 là 22 tháng x 5.859.000đ x 21,5% (phần công ty phải đóng) = 27.713.070 đồng; yêu cầu bị đơn trả tiền trợ cấp thôi việc (theo văn bản số 787/UBND-TH2 ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng) là 5.859.000đ/tháng x 8,75 tháng = 51.266.250 đồng. Tổng cộng là 207.877.320 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng). Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Quý D trình bày:

Vào ngày 15/4/1993 Công ty LD (gọi tắt là Công ty LD) đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với bà Nguyễn Thị H vào làm nhân viên văn thư kiêm tạp vụ, hệ số lương 1,94 như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên đến ngày 04/7/2018, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành văn bản số 4107/UBND-GT về việc đấu thầu công tác quản lý sửa chữa thường xuyên các tuyến đường tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và ngày 06/7/2018 Sở Giao thông vận tải Lâm Đồng ban hành văn bản số 873/GTVT- QLGT về việc chấm dứt hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh từ ngày 01/7/2018. Do chuyển đổi mô hình từ giao thầu sang đấu thầu nên trong thời gian này công ty phải tự tìm kiếm việc làm, trong quá trình tham gia đấu thầu đều không trúng thầu dẫn đến không có việc làm cho người lao động trong công ty từ ngày 01/7/2018. Vì không có việc làm nên không có thu nhập, do vậy nhiều người lao động đã xin chấm dứt hợp đồng lao động, trước tình hình đó công ty đã báo cáo lên Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng về việc nhiều người lao động mất việc làm (Báo cáo số 15/BC-CTCPXD&QLĐBII - HDQT ngày 10/9/2018) và công ty đang thực hiện nhiệm vụ thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 22/10/2018 Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng ban hành văn bản số 1155/SLĐTBXH về việc hướng dẫn thực hiện các chế độ đối với người lao động. Đến ngày 31/10/2018 công ty đã họp toàn thể người lao động để phổ biến các văn bản của cấp trên nhằm thống nhất thực hiện chi trả chế độ cho người lao động. Tuy nhiên có một số ý kiến của người lao động đề nghị được hưởng chế độ mất việc làm nên công ty đã nhiều lần làm văn bản báo cáo lên UBND tỉnh Lâm Đồng về việc được sử dụng kinh phí chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động (văn bản số 16/CTCPXD&QLĐBII-HDQT ngày 09/11/2018; báo cáo số 20/BC-CTCPXD&QLĐBII ngày 18/01/2019). Sau đó, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng

ban hành văn bản số 97/SLĐTBXH-LĐTL ngày 31/01/2019 và UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành văn bản 787/UBND-TH ngày 18/02/2019 về chi trả chế độ mất việc cho người lao động tại Công ty LĐ. Trong đó UBND tỉnh có ý kiến: “*Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty LĐ phối hợp với Lãnh đạo Công ty LĐ thực hiện chi trả tiền lương ngừng việc (trong trường hợp phải ngừng việc) hoặc thỏa thuận với người lao động để chấm dứt hợp đồng lao động và chi trả chế độ thôi việc theo đúng quy định*”.

Thực hiện văn bản chỉ đạo của cấp trên, ngày 18 và 19/3/2019 người đại diện Công ty LĐ và Hội đồng quản trị công ty đã mời người lao động đến công ty để thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng lao động và thanh lý hợp đồng lao động để công ty thực hiện chi trả chế độ trợ cấp thôi việc và lương ngừng việc các tháng còn lại. Trong ngày 19/3/2019 thì đã có 33/35 người lao động đồng ý ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 31/12/2018, chỉ còn 02 người lao động là Bà H và Ông C không đồng ý. Ngoài ra, bản thân Bà H cũng đã đồng ý và ký vào bản lấy ý kiến người lao động của công ty về việc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 31/10/2018 nhưng nay Bà H cho rằng vì nhầm tưởng được hưởng chế độ mất việc làm nên mới ký là không có căn cứ. Công ty đã trả lương ngừng việc và đóng các chế độ bảo hiểm cho Bà H đến hết ngày 31/12/2018. Công ty đã gửi sổ bảo hiểm xã hội của bà H đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố B chốt sổ trả cho người lao động theo qui định.

Nay bà H yêu cầu Công ty LĐ phải thanh toán cho bà các khoản tiền lương ngừng việc, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền trợ cấp thôi việc tổng cộng là 207.877.320 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng) thì Công ty LĐ chỉ đồng ý trả khoản tiền trợ cấp thôi việc theo qui định pháp luật cho bà H là 51.266.250 đồng với điều kiện bà H phải thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với công ty vào ngày 31/12/2018. Ngoài ra, công ty không đồng ý chi trả bất kỳ khoản tiền nào khác cho bà H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty LĐ có nghĩa vụ trả cho bà H tiền lương ngừng việc từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 17/10/2019 và đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 17/10/2019 theo qui định của pháp luật về bảo hiểm. Đối với yêu cầu

của nguyên đơn về trợ cấp thôi việc là 51.266.250đ thì đề nghị không chấp nhận do hai bên chưa thỏa thuận được thời gian chấm dứt hợp đồng lao động.

Về án phí: Công ty LD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền lương ngừng việc, chế độ trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nên đây là tranh chấp về lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn có trụ sở tại 456B đường Trần Phú, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Về điều kiện khởi kiện: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong đó có tranh chấp về tiền lương và đã qua thủ tục hòa giải trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn có đủ điều kiện khởi kiện.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lương ngừng việc từ tháng 01/2019 cho đến tháng 10/2020 là: 22 tháng x 5.859.000đ/tháng = 128.898.000 đồng; yêu cầu bị đơn phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2019 đến tháng 10/2020 là 22 tháng x 5.859.000đ/tháng x 21,5% = 27.713.070 đồng thì thấy rằng: Ngày 15/4/1993 giữa bà H và Công ty LD có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, bà H vào làm công việc văn thư, đánh máy cho đến năm 2018. Do chính sách thay đổi mô hình từ giao thầu sang tự đầu thầu và do điều kiện năng lực không đủ nên không tìm được việc làm cho người lao động do đó Công ty LD đang làm thủ tục thoái vốn nhà nước và chuyển giao về Tổng công ty kinh doanh vốn nhà nước quản lý, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều ngưng từ ngày 01/11/2018 (có giấy xác nhận của phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng). Do công ty đang tạm ngưng hoạt động nên không có nguồn kinh phí để trả lương cho người lao động. Bị đơn cũng đã nhiều lần làm văn bản trình bày lên UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh Lâm

Đồng về tình hình của công ty, đồng thời xin hướng dẫn giải quyết chế độ cho người lao động (báo cáo số 15 ngày 10/9/2018 về việc nhiều người lao động mất việc làm; báo cáo số 16 ngày 09/11/2018 xin ý kiến UBND tỉnh Lâm Đồng về việc được sử dụng kinh phí chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động; báo cáo số 20 ngày 18/01/2019 về những khó khăn vướng mắc khi thực hiện chi trả chế độ mất việc cho người lao động). Công ty LD cũng đã thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh Lâm Đồng và Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng, thỏa thuận với người lao động để chấm dứt hợp đồng lao động và thực hiện chế độ đối với người lao động thôi việc theo đúng qui định.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận do Công ty LD không có việc làm nên nguyên đơn đã được công ty cho ngừng việc từ tháng 10/2018 cho đến nay. Như vậy, trong trường hợp này thì quan hệ lao động đã chấm dứt nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được với nhau về thời gian chấm dứt hợp đồng lao động nên mới xảy ra tranh chấp. Phía bà H cho rằng Công ty LD không có bất kỳ thông báo bằng văn bản nào cho bà biết nhưng tự đưa ra thời gian chấm dứt hợp đồng lao động ngày 31/12/2018 là không đúng vì qua xem xét thấy trước đó vào ngày 31/10/2018 Công ty LD đã họp hội nghị toàn thể người lao động để thông tin về tình hình việc làm và các vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động tại công ty trong thời gian tạm ngừng kinh doanh (có biên bản hội nghị), công ty đã lấy ý kiến người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm 31/10/2018 thì bà Nguyễn Thị H cũng đã đồng ý ký tên trong phiếu lấy ý kiến này. Bà H cho rằng do trước đây công ty đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm 31/10/2018 là để hưởng chế độ mất việc làm thì bà mới đồng ý ký là không thuyết phục. Mặt khác tại thời điểm đó Công ty LD cũng đã mời bà và những người lao động đến để thỏa thuận về thời gian chấm dứt hợp đồng lao động nhưng chỉ có 33 trên tổng số 35 người lao động là đồng ý, còn bà và em trai là ông Nguyễn Xuân C không đồng ý và cho rằng công ty không thông báo bằng văn bản cho bà đến làm việc. Bà cho rằng đến ngày 19/3/2019 công ty mới báo bà lên để đề nghị thời gian chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 31/12/2018 và công ty không đồng ý trả lương ngừng việc tháng 01 và tháng 02/2019 cho bà là không có căn cứ vì trước đó công ty đã thông báo đến toàn thể người lao động được biết về tình hình không có việc làm và phải tạm ngừng kinh doanh của công ty và đã đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng do bà H không đồng ý nên công ty không thể thanh toán các chế độ thôi việc cho bà H được.

Xét về mốc thời gian bị đơn đưa ra để chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 31/12/2018 thấy rằng: Tuy bị đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình qui định tại Điều 44 của Bộ luật lao động năm 2012 trước khi cho thôi việc đối với nhiều người lao động, nhưng quá trình làm việc và tại phiên tòa bị đơn trình bày ngày 31/10/2018 là ngày Công ty LD chỉ mời người lao động

đến để thỏa thuận và lấy ý kiến về thời gian chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 31/10/2018 chứ không phải là ngày công ty quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Sau đó đến ngày 19/3/2019 Công ty LD đã tổ chức họp đề thống nhất chi trả chế độ cho người lao động, đề nghị người lao động ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm ngày 31/12/2018 và thanh lý hợp đồng lao động để công ty thực hiện chi trả chế độ trợ cấp thôi việc và lương ngừng việc các tháng còn lại. Tại cuộc họp này thì có 33/35 người lao động đã đồng ý ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 và cùng các quyền lợi do bảo hiểm xã hội chi trả, còn 02 trường hợp là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân C không đồng ý. Như vậy, thấy rằng từ ngày 31/10/2018 đến ngày 19/3/2019 bị đơn mới mời người lao động đến để ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm ngày 31/12/2018, đồng thời thanh lý hợp đồng lao động và chi trả chế độ trợ cấp thôi việc và lương ngừng việc tháng 11 và tháng 12 năm 2018 là chưa đúng vì kể từ khi cho người lao động thôi việc cho đến ngày 19/3/2019 bị đơn chưa có thông báo cho người lao động về thời gian chấm dứt hợp đồng lao động là thời điểm ngày 31/12/2018. Vì vậy, không có đủ căn cứ xác định ngày 31/12/2018 là ngày chấm dứt hợp đồng lao động mà phải xác định ngày 19/3/2019 là ngày chấm dứt hợp đồng lao động là phù hợp nên yêu cầu khởi kiện về tiền lương ngừng việc và các chế độ bảo hiểm của bà H chỉ được chấp nhận một phần là từ ngày 01/01/2019 đến tháng 3/2019, cụ thể: tiền lương ngừng việc từ ngày 01/01/2019 đến tháng 3/2019 là: 03 tháng x 5.859.000đ/tháng = 17.577.000 đồng; tiền bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà H là: 03 tháng x 5.859.000đ/tháng x 21,5% (phần người sử dụng lao động phải đóng) = 3.779.055 đồng. Bà H không yêu cầu bị đơn phải đóng tiền lãi chậm đóng các khoản bảo hiểm nên không xem xét.

Xét yêu cầu trả tiền trợ cấp thôi việc của nguyên đơn thấy rằng: Bà H đồng ý nhận chế độ trợ cấp thôi việc như hướng dẫn theo văn bản số 787/UBND-TH2 ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật lao động hiện hành và nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động thì khi hợp đồng lao động chấm dứt thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương. Mức tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc. Qua xem xét thấy rằng tổng thời gian bà H làm việc được 17,5 tháng, mức lương của bà H tại thời điểm ngừng việc là 5.859.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bị đơn trả trợ cấp thôi việc là 5.859.000đ/tháng x 8,75 tháng = 51.266.250 đồng là có căn cứ, yêu cầu này của bà H cũng được phía bị đơn đồng ý, do vậy, yêu cầu này của bà H được chấp nhận.

Về việc Viện Kiểm sát cho rằng ngoài tranh chấp tiền lương còn có tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, do đó để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội và mức đóng, thời gian đóng của người sử dụng lao động thì cần đưa cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ, bởi vì đây là vụ án có quan hệ lao động đã chấm dứt nhưng do các đương sự tranh chấp với nhau về thời gian chấm dứt hợp đồng lao động, bị đơn đã thực hiện đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội các chế độ bảo hiểm cho người lao động đến hết ngày 31/12/2018. Qua xác minh, cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố B cho biết cũng đã chốt trả sổ cho bà Nguyễn Thị H đến hết ngày 31/12/2018. Trường hợp này các đương sự tranh chấp về thời gian chấm dứt hợp đồng lao động, do vậy khi giải quyết vụ án nếu có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì Tòa án buộc người sử dụng lao động phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tại cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố B theo qui định của pháp luật.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty LĐ có nghĩa vụ trả cho bà H tiền lương ngừng việc từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 17/10/2019 và đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 17/10/2019 theo qui định của pháp luật về bảo hiểm thì như đã phân tích ở trên nên chỉ được chấp nhận một phần.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về trợ cấp thôi việc là 51.266.250 đồng thì Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận do hai bên chưa thỏa thuận được thời gian chấm dứt hợp đồng lao động là không có căn cứ, bởi vì chế độ hưởng trợ cấp thôi việc được qui định trong Bộ luật lao động năm 2012 và nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động. Mặt khác, các đương sự không có tranh chấp gì về khoản trợ cấp thôi việc. Do vậy, ý kiến này của Viện kiểm sát không được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 15, 48, 201 Luật Lao động năm 2012; Luật bảo hiểm xã hội; Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp lao động về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc” đối với Công ty LĐ.

Buộc Công ty LĐ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H 51.266.250 đồng (năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền trợ cấp thôi việc.

Buộc Công ty LĐ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H tiền lương ngừng việc từ ngày 01/01/2019 đến hết tháng 3/2019 là 17.577.000đ (mười bảy triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Buộc Công ty LĐ phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà H tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố B số tiền là 3.779.055 đồng (ba triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày 16/10/2020, Công ty LĐ còn phải chịu khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm cho người lao động phát sinh theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc Công ty LĐ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.178.670đ (hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền

